

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000696

Trang : 1/3

Môn học: **Kỹ thuật số (228261) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **14/04/2023**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D6-32**

Số SV có mặt: **30**

Số bài thi: **30**

Số tờ giấy thi: **30**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Nguyễn Thị Đức</i>	<i>Ng. T. Kim Ngân</i>	<i>Đào Thanh Sang</i>	<i>Ng. T. Kim Ngân</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122060024	NGUYỄN ĐỒNG BÌNH	05/10/2004	CCQ2206A				0,0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2122060018	VÕ AN	08/07/2004	CCQ2206A		1	<i>An</i>	5,8	5,3	5,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2122060022	NGÔ HOÀNG CHIẾN	23/05/2004	CCQ2206A		1	<i>Chiến</i>	8,8	9,3	9,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2122060054	ĐỖ CÔNG DŨNG	14/02/2004	CCQ2206B				4,0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2122060033	PHAN QUỐC DŨNG	26/02/2004	CCQ2206A				0,0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2122060032	LƯƠNG QUỐC ĐẠT	15/10/2004	CCQ2206A				0,0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2122060014	CAO HOÀNG HẢI	29/07/2004	CCQ2206A		1	<i>Hải</i>	9,3	9,3	9,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2122060048	NGUYỄN MINH HẢI	05/05/2004	CCQ2206B		1	<i>Hải</i>	5,3	6,5	6,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2122060030	NGUYỄN CÔNG HẬU	14/01/2003	CCQ2206A		1	<i>Hậu</i>	5,6	4,0	2,8	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2122060013	TRƯƠNG HỒNG HIẾU	01/12/2004	CCQ2206A				2,0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2122060007	NGUYỄN XUÂN HÓI	11/02/2000	CCQ2206A		1	<i>Hói</i>	6,8	5,5	6,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2122060004	TRẦN VIỆT HÙY	03/07/2004	CCQ2206A		1	<i>Huy</i>	8,1	8,5	8,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2122060041	NGUYỄN MINH KHÀI	10/04/2002	CCQ2206B				0,0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2122060040	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	26/06/2004	CCQ2206B		1	<i>Khoa</i>	5,8	1,5	3,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2122060021	NGUYỄN MINH KHOA	28/05/2004	CCQ2206A		1	<i>Khoa</i>	5,0	3,0	3,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
16	2122060026	TRẦN VĂN KIẾT	25/11/2004	CCQ2206A		1	<i>Kiệt</i>	6,3	2,0	3,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2122060010	CHÂU NGỌC LÂN	03/03/2004	CCQ2206A		1	<i>Lân</i>	5,8	1,3	3,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2122060028	NGUYỄN NGỌC LÂN	20/12/2004	CCQ2206A		1	<i>Lân</i>	5,0	1,5	2,9	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
19	2122060049	VÕ PHƯỚC LẬP	21/03/2004	CCQ2206B				1,0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2122060016	VĂN TẤN LỘC	21/08/2004	CCQ2206A		1	<i>Lộc</i>	8,3	5,5	6,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000696

Trang : 2/3

Môn học: **Kỹ thuật số (228261) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **14/04/2023**

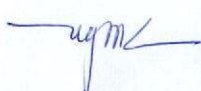
Giờ: **12:30**

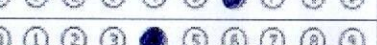
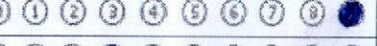
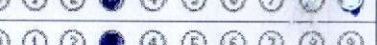
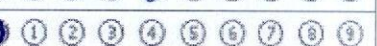
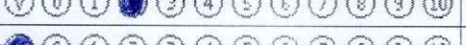
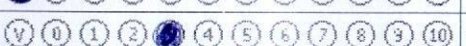
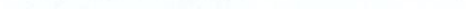
Phòng thi: **D6-32**

Số SV có mặt: **30**.....

Số bài thi: **30**.....

Số tờ giấy thi: **30**.....

Cán bộ coi thi 1  Nguyễn Thị Đào	Cán bộ coi thi 2  Ng. T. Kim Ngân	G.Viên chấm thi 1  Đào Thanh Sang	G.Viên chấm thi 2  Ng. T. Kim Ngân
---	--	--	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122060038	HUỖNH TẤN LỢI	24/10/2004	CCQ2206B		1		5,5	2,5	3,7		
22	2122060051	TRẦN NGỌC MINH	18/12/2003	CCQ2206B		1		4,6	2,0	3,0		
23	2122060009	NGUYỄN HOÀI NHÂN	25/02/2004	CCQ2206A		1		5,6	4,0	4,6		
24	2122060019	THÁI NGỌC VŨ	24/08/2004	CCQ2206A		1		5,8	3,5	4,4		
25	2122060045	BÙI ANH QUANG	05/05/2003	CCQ2206B		1		5,8	4,5	5,0		
26	2122060001	LÊ VINH QUẢNG	20/01/2000	CCQ2206A		1		8,8	4,0	5,9		
27	2122060047	NGUYỄN HUY QUYỀN	24/08/2004	CCQ2206B		1		6,0	4,8	5,3		
28	2122060002	NGUYỄN GIA QUYẾT	26/01/1999	CCQ2206A		1		7,3	9,0	8,3		
29	2122060025	BÙI THÀNH TÀI	02/06/2003	CCQ2206A		1		9,3	10	9,7		
30	2122060027	LÊ MINH TÁNH	24/07/2004	CCQ2206A		1		6,8	7,0	6,9		
31	2122060042	TRẦN VĂN THANH	15/08/2004	CCQ2206B				0,0				
32	2122050073	PHAN HỮU THI	12/12/2004	CCQ2206B		1		5,0	4,0	4,4		
33	2122060008	NGUYỄN TẤN THUẬN	09/10/2004	CCQ2206A		1		6,8	3,8	5,0		
34	2122060005	LÊ NGUYỄN QUANG TIẾN	26/04/2004	CCQ2206A				0,0				
35	2122060053	TRẦN QUỐC TOÀN	10/05/2004	CCQ2206B		1		5,3	1,3	2,9		
36	2122060020	KIỀU ĐỨC TRÍ	01/05/2004	CCQ2206A				0,0				
37	2122060050	TRẦN NGUYỄN NGỌC TRÍ	10/01/2004	CCQ2206B		1		5,3	2,0	3,3		
38	2122060034	TRẦN MINH TRUNG	05/06/2002	CCQ2206A		1		5,6	6,5	6,1		
39	2122060011	NGUYỄN THANH TUẤN	02/08/2004	CCQ2206A		1		6,5	4,0	5,0		
40	2122060055	LONG QUỐC VIÊN	17/06/2003	CCQ2206B		1		5,8	5,5	5,6		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000696

Trang : 3/3

Môn học: **Kỹ thuật số (228261) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **001**

Ngày thi: **14/04/2023**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D6-32**

Số SV có mặt: 30

Số bài thi: 30

Số tờ giấy thi: 30

Cán bộ coi thi 1 <i>Nguyễn Thị Đào</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Nguyễn</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Đào Thanh Sang</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn</i>
Ng. T. Kim Ngân	Ng. T. Kim Ngân	Đào Thanh Sang	Ng. T. Kim Ngân

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2122060006	NGUYỄN ANH VŨ	29/06/2004	CCQ2206A				5,0			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000697

Trang : 1/2

Môn học: **Kỹ thuật số (228261) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **002**

Ngày thi: **14/04/2023**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D6-33**

Số SV có mặt: **32**

Số bài thi: **32**

Số tờ giấy thi: **32**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Nguyễn</i> Huỳnh T.M. Thuận	<i>Nguyễn</i> Ng. T. L. Phương	<i>Đào</i> Đào Thanh Sang	<i>Nguyễn</i> Ng. T. Kim Ngân

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122060044	CHÂU HOÀI ANH	25/05/2004	CCQ2206B		1	<i>châu</i>	5,0	1,3	2,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2122060031	LÊ VINH BÌNH	06/09/2004	CCQ2206A		1	<i>Bình</i>	5,8	5,8	5,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
3	2122060059	HÀ ĐỨC CANG	06/02/2004	CCQ2206B		1	<i>Cang</i>	5,3	6,0	5,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2122170257	NGÔ TẤN ĐẠT	28/10/2004	CCQ2206B				5,0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2122060079	TRƯƠNG THIÊN HẬU	23/08/2004	CCQ2206B				2,0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2122060066	NGUYỄN HỮU THẾ	11/03/2004	CCQ2206B		1	<i>thai2</i>	5,0	5,0	5,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2122140020	TRẦN MINH HIẾU	29/09/2004	CCQ2206A		1	<i>Hiếu</i>	5,6	4,3	4,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
8	2122060072	NGUYỄN CẢNH HOÀNG	16/10/2004	CCQ2206A		1	<i>Thi</i>	6,8	5,3	5,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
9	2122060057	NGUYỄN NHẤT HUY	06/03/2004	CCQ2206B		1	<i>Huy</i>	5,0	3,5	4,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2122060067	PHẠM BÁ KHÂM	04/08/2004	CCQ2206B		1	<i>Khâm</i>	5,6	5,0	5,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2122060080	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	19/08/2004	CCQ2206B		1	<i>Khoa</i>	5,8	5,8	5,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
12	2122060065	TRỊNH BÁ KIẾT	12/05/2004	CCQ2206B		1	<i>Kiệt</i>	5,6	4,8	5,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2122060068	NGUYỄN QUỐC LÂM	02/08/2004	CCQ2206B		1	<i>Lâm</i>	5,0	5,3	5,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2122060063	NGUYỄN PHƯƠNG LÊ	11/03/2004	CCQ2206B				2,0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2122170227	THÁI LÊ DUY LỘC	05/08/2004	CCQ2206B				5,0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2122060062	PHAN VĂN NGUYỄN	16/06/2003	CCQ2206B		1	<i>Nguyễn</i>	5,3	1,3	2,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2122060015	LÊ VĂN NINH	02/01/2004	CCQ2206A				2,0			☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2122060036	TRẦN VĂN PHÚ	26/05/2004	CCQ2206B		1	<i>Phu</i>	5,3	6,0	5,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2122060064	NGUYỄN TẤN PHƯỚC	22/09/2004	CCQ2206B		1	<i>Phước</i>	6,3	7,0	6,7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2120150024	NGUYỄN NGỌC QUYỀN	11/02/2002	CCQ2015A		1	<i>Quy</i>	7,0	7,8	7,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 000697

Trang : 2/2

Môn học: **Kỹ thuật số (228261) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 1 22-23**

Tổ: **002**

Ngày thi: **14/04/2023**

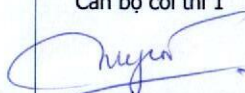
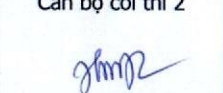
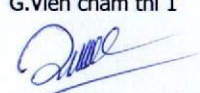
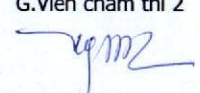
Giờ: **12:30**

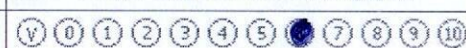
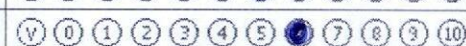
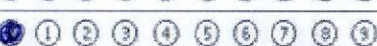
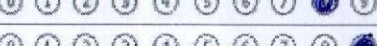
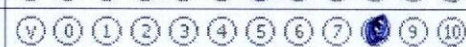
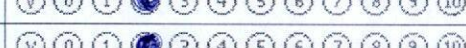
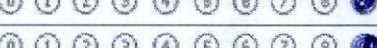
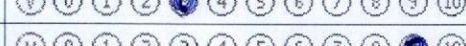
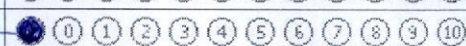
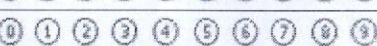
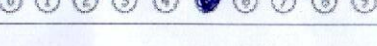
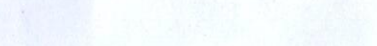
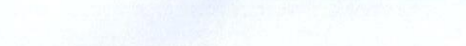
Phòng thi: **D6-33**

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 32

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 H.T. Mông Tuyên	 Ng. T. L. Phương	 Đào Thanh Sang	 Ng. T. Kim Ngân

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122060076	NGUYỄN THANH SÁNG	25/05/2004	CCQ2206B		1		6,3	6,3	6,3		
22	2120060049	VÕ VĂN SỸ	16/09/2002	CCQ2006B		1		5,3	6,8	6,2		
23	2120170132	VÕ VĂN TÂM	22/03/2002	CCQ2006B		1		2,0	4,0	3,2		
24	2120150026	NGUYỄN VĂN TÂN	02/05/2002	CCQ2015A		1		6,0	4,5	5,1		
25	2118060030	TRẦN DUY TÂN	18/12/2000	CCQ1806A		1		5,6	6,3	6,0		
26	2122140019	NGUYỄN CÔNG TÂY	21/05/2003	CCQ2206A		1		4,2	4,3	4,3		
27	2122060078	MÃ THANH THỊNH	19/12/2004	CCQ2206B		1		5,6	6,0	5,8		
28	2122060060	LƯƠNG THANH TIỀN	04/08/2004	CCQ2206B		1		5,0	6,5	5,9		
29	2122060082	TRẦN THỊ NGỌC TRÂM	28/02/2004	CCQ2206A		1		8,3	8,5	8,4		
30	2122170099	NGUYỄN HỒNG TRUNG	01/12/2004	CCQ2206B		1		8,6	7,8	8,1		
31	2122060056	NGUYỄN ĐÌNH TRƯỜNG	10/08/2004	CCQ2206B		1		5,3	1,3	2,9		
32	2122060077	NGUYỄN ĐỖ LAM TRƯỜNG	02/11/2004	CCQ2206B		1		5,3	1,3	2,9		
33	2118150087	NGUYỄN ANH TÚ	07/10/2000	CCQ1815A		1		5,3	5,5	5,4		
34	2122060058	LÊ MINH TUẤN	29/04/2004	CCQ2206B				0,0				
35	2122060035	NGUYỄN HUY TUẤN	01/01/2004	CCQ2206A		1		5,4	2,3	3,5		
36	2122060012	VÕ THỊ THU UYÊN	29/09/2004	CCQ2206A		1		9,8	9,3	9,5		
37	2120150055	TRẦN VĂN VÀNG	29/05/2002	CCQ2015B				0,0				
38	2122060075	NGUYỄN TRẦN HOÀN VŨ	17/11/2003	CCQ2206A		1		8,8	5,8	7,0		
39	2122110026	PHẠM ANH VŨ	19/09/2004	CCQ2206A		1		6,0	6,8	6,5		